

ẢN DỤ Ý NIỆM VỀ “SỢI CHỈ” TRONG THÀNH NGỮ VÀ CA DAO TIẾNG VIỆT

Nguyễn Đình Việt

Trường THCS & THPT Đông Du, Đắk Lắk

Tóm tắt: Từ việc đi sâu tìm hiểu ý niệm “sợi chỉ” trong thành ngữ và ca dao tiếng Việt, bài viết đã xác lập các cấu trúc ẩn dụ ý niệm *Con người/ bộ phận cơ thể con người* là “sợi chỉ”; *Vật trao duyên* là “sợi chỉ”; *Tình duyên/ tình nghĩa* là “sợi chỉ”; *Hoạt động/nhận thức của con người* là hoạt động với “sợi chỉ”; *Tâm trạng con người* là hoạt động của “sợi chỉ”; *Tài năng/phẩm chất* là “sợi chỉ”; *Hoàn cảnh* là “sợi chỉ” và qua đó, góp phần minh họa thêm cho lý thuyết về ẩn dụ ý niệm của Ngôn ngữ học tri nhận; cho thấy một phần độc đáo trong ngôn ngữ - tư duy - văn hóa Việt.

Từ khóa: Ý niệm, sợi chỉ, ẩn dụ ý niệm, ngôn ngữ học tri nhận.

1. Mở đầu

Sự ra đời của Ngôn ngữ học tri nhận vào thập niên 80 của thế kỉ XX đã có những ảnh hưởng to lớn đối với sự phát triển của ngôn ngữ học hiện đại. Chính Lý Toàn Thắng cũng đã nhấn mạnh rằng: Ngôn ngữ học tri nhận “là một trường phái mới của Ngôn ngữ học hiện đại, tiến hành nghiên cứu ngôn ngữ trên cơ sở vốn kinh nghiệm và sự tri giác của con người về thế giới khách quan cũng như cái cách thức mà con người ý niệm hóa và phạm trù hóa các sự vật và sự tình của thế giới khách quan đó” [1, tr.20-21].

Trải qua 50 năm hình thành và phát triển, Ngôn ngữ học tri nhận đã xây dựng được cho mình một nền tảng lý thuyết vững chắc: xác định được đối tượng và phạm vi nghiên cứu; các nguyên lý và các phương pháp chủ đạo; với một hệ thống lý thuyết mới mẻ, mang tính chất đột phá như: ý niệm (concept), nghiệm thân (embodiment), ẩn dụ ý niệm (conceptual metaphor), ánh xạ (mapping), điển mẫu (prototype), không gian tinh thần (mental space),... Hiện tại, Ngôn ngữ học tri nhận vẫn đang tiếp tục phát triển và thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới.

Việc nghiên cứu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa Việt đã trở nên thú vị, hấp dẫn hơn kể từ khi Ngôn ngữ học tri nhận chính thức được giới thiệu ở Việt Nam với một số công trình tiêu biểu như: *Ngôn ngữ học tri nhận, từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt* [1], *Ngôn ngữ học tri nhận* (Ghi chép và suy nghĩ) [2], *Ngôn ngữ học tri nhận từ điển tường giải và đối chiếu* [3],... Các công trình này không chỉ hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết cơ bản, trọng tâm mà còn khơi gợi nhiều hướng nghiên cứu tiếng Việt, văn hóa Việt dưới góc nhìn của Ngôn ngữ học tri nhận, trong đó, đa số đều quan tâm đến ý niệm và ẩn dụ ý niệm.

Bài viết này vận dụng lý thuyết về ý niệm và ẩn dụ ý niệm của Ngôn ngữ học tri nhận để tìm hiểu về ý niệm “sợi chỉ” trong ca dao và thành ngữ tiếng Việt. Qua đó, thấy được một phần độc đáo trong bức tranh ngôn ngữ về thế giới của người Việt.

Ngày nhận bài: 11/3/2020. Ngày sửa bài: 27/3/2020. Ngày nhận đăng: 10/4/2020.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Đình Việt. Địa chỉ e-mail: viet.guitarlead@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cấu trúc ý niệm “sợi chỉ”

Ý niệm là đối tượng nghiên cứu quan trọng nhất của Ngôn ngữ học tri nhận. Đó là đơn vị của tư duy, là thành tố của ý thức. Chính G. Lakoff và M. Johnson đã nhấn mạnh đến ảnh hưởng của ý niệm đối với tư duy: “Các ý niệm chi phối suy nghĩ của chúng ta không chỉ thuần liên quan đến trí tuệ mà còn chi phối những hoạt động hàng ngày và, thậm chí, đến cả những chi tiết tâm thường nhất. Ý niệm tạo nên cách chúng ta nhận thức, hành xử và tiếp cận với những người xung quanh” [4, tr.3]. Vì vậy, nghiên cứu ý niệm giúp chúng ta hiểu đầy đủ và sâu sắc hơn mối quan hệ của bộ ba ngôn ngữ – văn hóa – tư duy.

Sợi chỉ không đơn giản như khái niệm được nêu trong *Từ điển tiếng Việt* là “dây bằng sợi xe, dài và mảnh, chuyên dùng để khâu, thêu, may, vá. *Mảnh như sợi chỉ. Vết thương đã cắt chỉ. Xe chỉ luôn kim*” [5], mà còn là một vật dụng rất quen thuộc trong mỗi gia đình Việt, đặc biệt là đối với các bà, các mẹ, các chị - những người chuyên *thêu thùa, may, vá*. Thậm chí, chuyện *cái kim – sợi chỉ*, chuyện *thêu thùa, may, vá* đã trở thành một trong những tiêu chí đánh giá về sự khéo léo, giỏi giang của người phụ nữ. Nhìn vào từng *đường kim, mũi chỉ* ta có thể phần nào đoán được tài năng, tính cách con người,... và dường như, trong quan niệm chung của xã hội việc *thêu thùa, may, vá* là một biểu hiện cho sự nữ tính, dịu dàng của người phụ nữ.

Sợi chỉ quen thuộc không chỉ vì rất cần thiết trong may mặc trang phục, trong việc sửa chữa những cái áo, cái quần, cái khăn bị rách, *sứt chỉ đường tà*,... mà còn được dùng trong y học khi khâu vết thương mở (*chỉ thường và chỉ tự tiêu*,...), sợi chỉ còn được dùng để khâu các tràng hạt, nối kết các vật dụng trang trí khác, buộc vào các dây chuyền vàng bạc để tránh bị đứt,... Sợi chỉ đỏ còn được dùng để đeo ở tay không chỉ như một đồ vật trang sức mà còn thể hiện một ý niệm tâm linh là trừ tà ma, xui xẻo và đem lại điều may mắn, bình an (Quan niệm tâm linh này được cho là bắt nguồn từ người Do Thái, những người theo đạo Phật và đạo Hin-đu. Ở Việt Nam, nhiều người cũng thường đeo sợi chỉ đỏ vào cổ tay và xem đó như một loại bùa trừ tà ma, đem lại may mắn,...). Sợi chỉ đỏ còn xuất hiện trong lời ăn, tiếng nói hàng ngày của người Việt để nhấn mạnh một ý tưởng, một đường hướng, một nội dung xuyên suốt nào đó như: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và trong đường lối của cách mạng Việt Nam; Giá trị nhân đạo là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các tác phẩm của Nam Cao;... Vậy nên, không quá khi nói rằng sợi chỉ là vật dụng đặc biệt hữu ích, cần thiết với cuộc sống con người (không có chỉ làm sao có thể dệt nên vải, vóc, lụa, là; làm sao may mặc trang phục và nhiều vật dụng khác như khăn, màn, chăn, nệm,...), nó không chỉ mang giá trị vật chất mà còn mang giá trị tinh thần, tâm linh,... Từ những cơ sở trải nghiệm mang tính chất văn hóa này mà sợi chỉ đi vào tâm thức người Việt một cách tự nhiên và hình thành nên cả một ý niệm sợi chỉ vô cùng độc đáo.

Qua khảo sát, đối chiếu trên các cuốn từ điển: *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam trong hành chức* [6], *Thành ngữ tiếng Việt* [7], *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam* [8], *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt* [9], chúng tôi đã thống kê được 172 lần xuất hiện của từ ngữ chỉ vật dụng sợi chỉ và các từ chỉ trạng thái, hoạt động của sợi chỉ trong tổng số 143 câu thành ngữ, ca dao có chứa những từ ngữ này. Từ đây, chúng tôi tiếp tục phân loại và thống kê về sự xuất hiện của các loại sợi chỉ và những hoạt động, trạng thái của sợi chỉ, cụ thể trong hai bảng sau:

Bảng 1. Các loại sợi chỉ và bộ phận của sợi chỉ

Stt	Các loại sợi chỉ và bộ phận của sợi chỉ	Tần số xuất hiện	Tỉ lệ %
1	chỉ mảnh	5	6.67%
2	chỉ mảnh	3	4.00%
3	chỉ hồng	13	17.33%

4	chỉ thắm	15	20.00%
5	chỉ vàng	3	4.00%
6	chỉ gấm	3	4.00%
7	chỉ điều	7	9.33%
8	chỉ đào	2	2.67%
9	chỉ tím	3	4.00%
10	chỉ xanh	5	6.67%
11	chỉ đỏ	4	5.33%
12	chỉ Tấn tơ Tần	4	5.33%
13	chân chỉ	1	1.33%
14	con chỉ	1	1.33%
15	mũi chỉ	2	2.67%
16	bồi chỉ	2	2.67%
17	ống chỉ	2	2.67%
	TỔNG	75	100%

Trong các từ ngữ về loại *sợi chỉ* và bộ phận của *sợi chỉ* được thống kê ở bảng trên, *chỉ thắm* có tần số xuất hiện nhiều nhất với 15 lần, chiếm 20%; nhiều thứ hai là *chỉ hồng* có tần số xuất hiện là 13 lần, chiếm 17.33% cho thấy ấn tượng sâu đậm của người Việt về hai tên gọi này. Cũng theo tìm hiểu của chúng tôi, thì *chỉ thắm*, *chỉ hồng*, *chỉ đỏ*, *chỉ điều* đều chỉ dây tơ hồng của Ông Tơ Bà Nguyệt (Hai vị thần chuyên cai quản tình yêu đôi lứa trong văn hóa Việt) hay của Nguyệt Lão (Vị thần xuất hiện từ tích nhà Đường lấy những *sợi chỉ hồng* (xích thằng) để buộc chân hai người phải lấy nhau, không sao gỡ ra được). Chính vì vậy, trong thành ngữ, ca dao tiếng Việt có rất nhiều câu chỉ tình yêu lứa đôi qua hình ảnh *sợi chỉ thắm*, *chỉ hồng* như: *Xe duyên chỉ thắm*; *Lá thắm, chỉ hồng*; *Ước gì nguyện được như duyên - Ước gì chỉ thắm xe duyên tơ đào*; *Chỉ thắm xe với tơ vàng - Ta xe chỉ lại, đắp đàn đi chung*; *Tơ hồng chỉ thắm là duyên - Bao giờ em thuận thì nên bấy giờ*; ...

Bảng 2. Trạng thái, hoạt động của sợi chỉ

STT	Hoạt động, trạng thái của sợi chỉ	Tần số xuất hiện	Tỉ lệ %
1	chỉ đặt	1	1.03%
2	chỉ buộc tay	1	1.03%
3	xe chỉ/xơ sợi chỉ	27	27.84%
4	xe sẵn	2	2.06%
5	xỏ chỉ	1	1.03%
6	thêu	29	29.90%
7	vá	7	7.22%
8	khâu	8	8.25%
9	luồn	4	4.12%
10	may	4	4.12%
11	vá may	2	2.06%

12	cẩn chỉ	1	1.03%
13	buộc chỉ	3	3.09%
14	dứt chỉ lia tơ	3	3.09%
15	kẻ chỉ	1	1.03%
16	chỉ rối	3	3.09%
	TỔNG	97	100%

Dễ dàng thấy rằng *xe chỉ/ xe sợi chỉ, thêu, khâu, vá* là những hoạt động thường thấy của *chỉ* nên có tần số xuất hiện nổi trội so với các hoạt động, trạng thái khác. Điều này cũng thể hiện rõ trong các biểu thức ngôn ngữ như: *Xe **chỉ** buộc tay; Trách ai xe sợi **chỉ hồng** - Không sẵn lại rối cho lòng anh đau; Vì chàng chẳng tại thiếp đâu - Chàng xe **chỉ mảnh**, thiếp **khâu** sao bền; Em nay công nợ gì chàng - Mà anh **xe chỉ** đón đường cầm tay; Chàng về mua **chỉ** mua **kim** - **Thêu** loan **thêu** phượng mới nên khăn này - **Thêu** cho đủ lối mới hay - Anh thời **thêu** phượng em nay **thêu** rồng; Ba đồng một **sợi chỉ đào** - Áo gấm không **vá**, **vá** vào áo toi;...*

Như vậy, ý niệm *sợi chỉ* thực sự tồn tại khá rõ nét và sâu sắc trong tâm thức người Việt. Việc tìm hiểu ý niệm *sợi chỉ* sẽ đầy đủ và bao quát hơn khi đặt trong sự tồn tại của ý niệm này trong đời sống, trong tâm thức của người Việt và đặc biệt là trong hàng loạt các cấu trúc ẩn dụ ý niệm *sợi chỉ* trong thành ngữ, ca dao tiếng Việt.

2.2. Ẩn dụ ý niệm “sợi chỉ”

Ẩn dụ ý niệm là một khái niệm trọng tâm của Ngữ nghĩa học tri nhận. Khác với quan niệm truyền thống coi ẩn dụ là phương thức tu từ, là cách diễn đạt bóng bẩy, mới lạ, Ngôn ngữ học tri nhận xác định ẩn dụ là công cụ của tư duy, “ẩn dụ thâm nhập khắp trong cuộc sống hàng ngày, không chỉ trong ngôn ngữ mà còn cả trong tư duy và hành động. Hệ thống ý niệm thông thường của chúng ta, thông qua đó chúng ta tư duy và hành động, về cơ bản là có tính ẩn dụ” [4, tr.4].

Theo tri nhận luận, ẩn dụ ý niệm được hiểu là từ miền nguồn (thường cụ thể, hữu hình, mang tính vật chất, nhiều trải nghiệm hơn) ánh xạ đến miền đích (thường khái quát, trừu tượng, mang tính phi vật chất, ít trải nghiệm hơn), qua đó, giúp lĩnh hội và nắm bắt được miền đích. Trong bài viết này, *sợi chỉ* với tư cách là một vật dụng cụ thể được người Việt sử dụng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, mang tính trực quan, dễ nhận biết nên đóng vai trò là *miền nguồn* ánh xạ tới *miền đích* con người trên nhiều phương diện như *ngoại hình, tình duyên, hoạt động, tâm trạng,...*

2.2.1. Con người/ bộ phận cơ thể con người là “sợi chỉ”

Con người luôn là đối tượng trung tâm của mọi ngành khoa học, với nguyên lý “Dĩ nhân vi trung”, Ngôn ngữ học tri nhận lại càng nhấn mạnh điều đó. Chính vì điều này nên nhiều bộ phận của con người cũng được gán cho các bộ phận của vật dụng như *chân bàn, tay ghế, lưỡi dao, miệng thúng,...* và nhắc đến *sợi chỉ*, tuy rất hạn chế nhưng cũng tồn tại cách liên tưởng: ***Kim chỉ** có đâu - Tầm tơ có mối*. Và đến lượt mình, con người cũng được nhận thức ngược trở lại một cách trực quan hơn khi được liên tưởng tới những *sợi chỉ, bối chỉ* để tạo nên cấu trúc ẩn dụ ý niệm *Con người là “sợi chỉ”*: ***Trôn kim** nhỏ, **bối chỉ** to; Ai làm cho **chỉ** lia kim - Cho bèo dạt sóng, cho em phong trần; Đàn bà như **chỉ** tìm kim - Trăm năm rồi cũng đi tìm đàn ông;...* Và cụ thể hơn, một số bộ phận con người cũng được liên tưởng để tạo thành ẩn dụ thứ cấp *Bộ phận cơ thể con người là “sợi chỉ”*: *Hỡi người đứng ở bên sông - Càng nhìn càng đẹp, càng trông càng giòn - Má hồng như thể tô son - **Đôi môi cắn chỉ** trông mòn con người; Năm tay em tròn như **ống chỉ** - Lòng dạ anh đầy **phỉ** chí muốn kết duyên - Ngày nay hỏi thiệt bạn hiền thương không? - Anh ăn ở có lòng, em phải gắng công - Một trăm năm em cũng để phòng không đợi chờ;... **Mi** nhỏ như **sợi chỉ mảnh** - Tình trong chưa thắm, ngoại tình đã giao;...*

Rõ ràng là, *sợi chỉ* thường đi thành một cặp với *kim*, nên chuyện *kim – chỉ* lại được ẩn dụ hóa thành *Vợ chồng/đôi lứa* là “*kim chỉ*” như: *Gặp nhau mừng lắm nàng ơi - Như kim gặp chỉ, một đời bên nhau; Đôi ta như cúc với khuy - Như kim với chỉ may đi cho rồi; Đất Bụt mà ném chim trời - Ông Tơ bà Nguyệt xe dây nhợ nửa vời ra đâu - Cho nên cá chẳng bén câu - Lược chẳng bén đầu, chỉ chẳng bén kim;...*

2.2.2. Vật trao duyên là “sợi chỉ”

Tình yêu không chỉ được bày tỏ bằng lời mà còn thể hiện qua những kỉ vật mà đôi lứa trao cho nhau khi thề nguyện, hẹn ước. Kỉ vật có thể là cái quạt, cái trâm cài tóc, chiếc khăn tay, bức thư,... đến lượt mình *sợi chỉ* cũng được hình dung như một vật để trao duyên, nối duyên vậy: ***Chỉ xanh chỉ đỏ chỉ vàng*** - Một trăm thứ *chỉ* bắc ngang đầu cầu - Nào em đã có chồng đâu - Mà chàng đón trước rào sau làm gì; Dù Tây, nón nỉ quai ***chỉ màu hường*** - Cả tiếng kêu người nghĩa đi đường - Duyên đây sao không kết lại kiếm đường đi đâu?; Đã cam quần quít má đào - Những mong chim nhận mai trao ***chỉ hồng***; Cách sông em chẳng sang đâu - Anh về mua ***chỉ*** bắc cầu em sang - ***Chỉ xanh, chỉ đỏ, chỉ vàng*** - Một trăm thứ *chỉ* bắc ngang sông này; Ai về Bà Điểm, Hóc Môn - Hỏi thăm người ấy có còn hay không - Để tôi kiếm ***sợi chỉ hồng*** - Chờ ông Tơ bà Nguyệt kết vợ chồng đôi ta; Cẩn câu trúc, ***sợi chỉ bạc***, cái lười câu đồng - Anh móc mỗi con chim phụng câu rồng trên mây;... và *sợi chỉ* - một bộ phận cấu thành của các vật trao duyên khác hoàn thiện hơn cấu trúc ẩn dụ *Vật trao duyên* là *sợi chỉ* trong những chiếc khăn: Hai tay nâng cái khăn vuông - Ai ***đốt chỉ tím*** ai ***luồn chỉ xanh*** - Bên góc bốn nhận rành rành - Ở giữa con bướm đôi ngành ***thêu*** hoa - Khăn này *chỉ* để cho ta - Gọi là của khách đường xa mang về; Chàng về ***mua chỉ mua kim*** - ***Thêu*** loan ***thêu*** phượng mới nên khăn này - ***Thêu*** cho đủ lối mới hay - Anh thoi ***thêu*** phượng em nay ***thêu*** rồng;...

Như chúng tôi vừa nêu ở trên, thì *chỉ thắm, chỉ hồng, chỉ đỏ, chỉ điều* đều *chỉ* dây tơ hồng của Ông Tơ Bà Nguyệt (Hai vị thần chuyên cai quản tình yêu đôi lứa trong văn hóa Việt) hay của Nguyệt Lão (Vị thần cai quản tình yêu đôi lứa trong văn hóa Trung Hoa) nên có hàng loạt các câu trúc ẩn dụ quen thuộc có chứa những loại *chỉ* này trong thành ngữ, ca dao tiếng Việt như: Xe duyên ***chỉ thắm***; Lá ***thắm, chỉ hồng***; Ước gì nguyện được như nguyện - Ước gì ***chỉ thắm*** xe duyên tơ đào; ***Chỉ thắm*** xe với tơ vàng - Ta ***xe chỉ*** lại, đắp đàn đi chung; Tơ ***hồng chỉ thắm*** là duyên - Bao giờ em thuận thì nên bấy giờ; Trách ai ***xe sợi chỉ hồng*** - Không sẵn lại rồi cho lòng anh đau; Nước sao nước chảy tràn đồng - Tơ duyên còn đó, ***chỉ hồng*** chưa ***xe***;...

2.2.3. Tình duyên/ tình nghĩa là “sợi chỉ”

Điều độc đáo nhất trong tri nhận về *sợi chỉ* của người Việt đó là ẩn dụ *Tình duyên* là *sợi chỉ*. Theo quan sát của chúng tôi, người Việt phân biệt *sợi chỉ* thành rất nhiều tiêu chí khác nhau như nguồn gốc (bao gồm nguồn gốc xuất xứ hoặc chất liệu): *Chỉ Tấn (tơ Tàn)*, *chỉ gấm*, *chỉ tơ*,... về màu sắc: *chỉ hồng, chỉ thắm, chỉ xanh, chỉ đỏ, chỉ vàng, chỉ trắng, chỉ tím*; về kích thước: *chỉ mảnh/chỉ mảnh, chỉ điều, chỉ tơ*,... và khi nói về tình duyên, nhân duyên thì người Việt hay thường liên tưởng đến: *Chỉ Tấn (tơ Tàn)*, chẳng hạn như: Ước sao ***chỉ Tấn tơ Tàn*** - “Sắc cảm hòa hợp” lựa vẫn “quan thư”; Tình cờ bắt gặp nàng đây - Mượn cắt cái áo, mượn may cái quần - Để mà kết nghĩa tương thân - Ngày mai ***chỉ Tấn tơ Tàn*** xe duyên;...hoặc *chỉ thắm*: Xe duyên ***chỉ thắm***; ***Chỉ thắm*** xe với tơ vàng - Ta ***xe chỉ*** lại, đắp đàn đi chung; Tơ ***hồng chỉ thắm*** là duyên - Bao giờ em thuận thì nên bấy giờ; Tơ ***hồng chỉ thắm*** là duyên - Dầu bao giờ gặp thì nên bấy giờ; Tình thâm kẻ đày người đây - Đã ***xe chỉ thắm*** còn lay cành sầu; Ước gì nguyện được như nguyện - Ước gì ***chỉ thắm*** xe duyên tơ đào;... Và khi nói về tình duyên thì *chỉ thắm* và *chỉ hồng* là được nhắc đến nhiều nhất. Cụ thể về *chỉ hồng* với hàng loạt các câu trúc ẩn dụ như: Lá ***thắm, chỉ hồng***; Ước gì duyên ***thắm chỉ hồng*** - Để cho thực nữ sánh cùng trượng phu; Trăm năm ***xe sợi chỉ hồng*** - Buộc người tài sắc vào trong khuôn trời; Trăm năm một ***mối chỉ hồng*** - Một đôi cánh nhận, một lòng thương anh; ... và *chỉ thắm*: ***Chỉ thắm*** xe với tơ vàng - Ta ***xe chỉ*** lại, đắp đàn đi chung; Tơ ***hồng chỉ thắm*** là duyên - Bao giờ em thuận thì

nên bấy giờ; Tình thâm kẻ đẩy người đẩy - Đã **xe chỉ thấm** còn lay cành sấu; Ước gì nguyện được như nguyện - Ước gì **chỉ thấm xe** duyên tơ đào;

Ngoài ra, người Việt còn lựa chọn thêm nhiều loại chỉ khác để nói về tình duyên như **chỉ gấm**, **chỉ mảnh**,...: Ai cho trúc nọ lộn tre - Ai đem **chỉ gấm** mà xe tìm đèn; Trăm năm kết **sợi chỉ mảnh** - Ái ân gần bó chung tình keo sơn; Cầu Tràng Kênh dầu có phân đôi ngã - Sông Lệ Thủy dầu có cách phá trở ghềnh - Vì em ăn ở có nghĩa có nhơn nên gương vỡ lại lành - Để đôi lứa ta đúc kết trọn **chỉ mảnh** nên duyên;... càng cho thấy sự phong phú, sinh động trong tri nhận về sợi chỉ của người Việt.

Những cấu trúc ẩn dụ Tình duyên là “sợi chỉ” ở trên đều nhìn nhận sợi chỉ là biểu tượng cho tình duyên, nhân duyên viên mãn, hạnh phúc của lứa đôi, vợ chồng với những sợi chỉ thấm, chỉ hồng, chỉ điều, ... Tuy nhiên, cũng vẫn những sợi chỉ ấy nhưng khi chúng bị đứt, bị đứt, bị xe nhầm, xe lơi, ... thì lại được xem là biểu tượng cho sự chia lìa, đứt gánh tương tư, mang lại sự khổ đau, huyệt hăng: **Chỉ tơ đứt** mối tình lành - Vì nghèo nên phải xa mình tha phương; Trách ai **xe sợi chỉ hồng** - Không sẵn lại rồi cho lòng anh đau; **Chỉ tơ đứt** mối tình lành - Thương chưa phỉ dạ, mà tình đứt xa; Nước sao nước chảy tràn đồng - Tơ duyên còn đó, **chỉ hồng chưa xe**; Quát ông tơ cái trot - Ông nhảy tốt lên ngọn cây bần - Biểu ông **xe mối chỉ** năm bảy lần, ông không xe; Ai làm anh phải xa em - Cho cây xa cội, cho đêm xa ngày - Đêm với ngày, anh quay **chỉ thấm** - Sợi trắng, sợi dùn, nghĩ mà giận ông Tơ; Công anh tháng đợi năm chờ - Sao em **đứt chỉ lia tơ** cho đành?; Gá duyên khó chọn vừa đôi - Cũng như sông rộng, **sợi chỉ** trôi vương chà; Tức mình con nhện nhện lằng loan - Mấy trăm **sợi chỉ** mỗi đàng mỗi giăng; Đồng hồ liệt máy vì bởi sợi dây thiếu - Anh xa em vì bởi sợi **chỉ điều xe lơi**;... Lúc đó chỉ còn biết than thân, trách phận, trách người và trách mình vì sợi chỉ không được xe hoặc bị xe nhầm, xe oan: Hồng nhan ai kém ai đâu - Kể **xe chỉ thấm**, người xâu hạt vàng; Mối **chỉ đỏ** xe vòng duyên nợ - Trách cho người buộc mở vì ai - Nỉ non đêm vắng tình dài - Ngoài hiên thỏ đã non Đoài ngâm gương; Ba đồng một **sợi chỉ đào** - Áo gấm không vá, vá vào áo tơ - Cực lòng thiếp lăm chàng ơi - Biết rằng lên ngược xuống xuôi cũng đành;...

Nói đến tình duyên chia lìa là dễ nghĩ đến sợi chỉ mảnh/chỉ mảnh vì trong các loại chỉ, nó là loại dễ đứt nhất: Vì chàng chẳng tại thiếp đâu - Chàng **xe chỉ mảnh**, thiếp **khâu** sao bền!; Thuyền neo một **sợi chỉ mảnh** - Đôi ta không xứng sao đành ép duyên; Trách duyên lại giận trắng già - Xe tơ lằm lổ hóa ra **chỉ mảnh**;... Và hơn thế, chỉ rối, bởi lộn vòng cũng đem lại điều chẳng lành cho tình yêu đôi lứa, vợ chồng: Vì con trắng kia **chỉ rối tơ mảnh** - Chẳng nên chồng vợ, cũng thành đệ huynh; Vì đâu ta phải chia lìa - Vì đâu ta phải ra đi ngoài rìng - Chỉ vì **chỉ rối** đứt tung - Em phải lấy cái thằng chồng, em đã từng chê; Bần gia bán ngã, bất khả viễn vòng - Anh với em như **sợi chỉ lộn vòng** - Kiếm sao dệt mối bá tòng mới vui; Trách ông Tơ sao xe hoài xe hủy - Trách bà Tơ sao **xe chỉ lộn vòng** - Chỗ em không ưng thì bà muốn - Chỗ em bằng lòng thì bà lại xe rơi;... Có những trường hợp, mặc dù đôi lứa yêu nhau, chỉ đã được xe, nhưng vì quan niệm cũ “Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, cha mẹ không ủng hộ thì cũng khó khăn, thử thách: Đôi ta như lúa đồng đồng - Đẹp duyên nhưng chẳng được lòng mẹ cha - Đôi ta như **chỉ xe ba** - Thầy mẹ xe ít đôi ta xe nhiều.

Người Việt ta thường nói “Tình nghĩa vợ chồng”, tình trước, nghĩa sau và thường coi cái nghĩa nặng hơn cái tình. Nghĩa luôn được quan tâm và gửi gắm trong những lời dặn dò: Trăm năm ai chớ bỏ ai - **Chỉ thêu nên gấm**, sắt mài nên kim; Em thương anh như **chỉ buộc trọn vòng** - Anh đừng bạc dạ đem lòng quên em; Anh với em năm đợi tháng chờ - Lẽ nào **đứt chỉ lia tơ** cho đành - Đường đi lối lại rành rành - Nhẽ nào chàng rẽ đôi tình cho đang;... Sợi chỉ khi đã thêu nên gấm, khi đã buộc trọn vòng cũng như tình yêu đôi lứa, tình nghĩa vợ chồng đã được thắt chặt với nhau nên đừng **đứt chỉ lia tơ**, để trở thành những kẻ bạc tình, bạc nghĩa.

2.2.4. Hoạt động/ nhận thức của con người là hoạt động với “sợi chỉ”

Sợi chỉ là vật dụng gắn liền với những hoạt động khâu, thêu, may, vá nên dễ ánh xạ đến những

hoạt động cụ thể của con người như: *Thương chàng quân tử tài ba - Lo cây lo cấy, lo cà lo tương - Vá may kim chỉ việc thường - Tề gia nội trợ nhà chàng làm sao? - Thương chàng em bước chân vào; Hai tay cầm bốn tào nôl - Em nín thì ngồi, em khóc thì đưa - Hai tay kim chỉ thêu thùa - Vì em lận lộn mấy mùa nắng mưa; Em nay buôn chỉ bán tơ - Buôn ngọn sông Bờ, bán ngọn sông Thao - Nước sông Thao biết bao giờ cạn? - Núi Ba Vì biết vạn nào cây!;...* Thậm chí, có khi là hành động, thái độ phản ứng có phần mạnh bạo, đe dọa: *Bà kia bận áo xanh xanh - Ngồi trong đám họ nói hành con dâu - Bà ơi tôi không sợ bà đâu - Tôi xe sợi chỉ tôi khâu miệng bà.* Việc rút kinh nghiệm trong cuộc sống cũng được nhận thức dưới hình ảnh của sợi chỉ: *Buộc chỉ chân voi; Buộc chỉ cổ tay; Xe chỉ buộc tay; Từ rày buộc chỉ cổ tay - Chim đậu thì bắt, chim bay thì đừng;...*

Sợi chỉ là một biểu tượng của tình yêu nên hoạt động *xe chỉ, luôn chỉ, mua chỉ* cũng là một hoạt động thể hiện tình yêu mà cụ thể hơn là hoạt động tán tỉnh, và *Hoạt động tán tỉnh* là hoạt động của *sợi chỉ* cũng là một cấu trúc ẩn dụ quen thuộc trong lời ăn tiếng nói hàng ngày của người Việt: *Em nay công nợ gì chàng - Mà anh xe chỉ đón đường cầm tay; Trót lời hẹn với nước non - Kịp xe bối chỉ cho tròn bối tơ - Quay tơ phải giữ mối tơ - Quay dăm ba bối đợi chờ bấy lâu; Rau răm ngắt ngọn héo rầu - Những lời anh nói mà đau đón lòng - Bấy lâu xe sợi chỉ hồng - Nghĩ em lấy được con tông nhà nòi; Mắc mối tơ, anh quơ mối chỉ - Thấy em thùy mị, anh thương hũy thương hoài - Anh ở xóm trong, em ở xóm ngoài - Biết làm sao cho khuy gài liền nút, nút gài liền khuy; Có kia đi chợ Hà Đông - Để anh kết ngãi vợ chồng cùng đi - Anh đi anh chẳng mua gì - Anh mua chỉ thắm đem về xe đây; Khen ai khéo xé khăn vuông - Khéo xe chỉ tím, khéo luôn chỉ xanh - Bên góc thêu quả rành rành - Giữa thì con bướm cái cành thêu hoa; Chỉ xanh chỉ đỏ chỉ vàng - Một trăm thứ chỉ bắc ngang đầu cầu - Nào em đã có chồng đâu - Mà anh rào trước đón sau làm gì;... Lây việc xe chỉ, luôn chỉ, hay mua chỉ để làm quen, để hứa hẹn là một cách làm quen thuộc thường thấy trong ca dao khi giao duyên, giao tình thể hiện sự tinh tế, ý nhị và vô cùng khéo léo của mỗi chàng trai, cô gái.*

2.2.5. Tâm trạng con người là hoạt động của “sợi chỉ”

Sợi chỉ vốn dĩ nhỏ bé, mong manh, dễ đứt, dễ rời nên nó còn là biểu tượng cho nỗi lòng, tâm trạng buồn tủi, cô đơn, lo lắng, thấp thỏm: *Xa nhau khó đứng khó ngồi - Dạ em bối rối như nổi chỉ tơ; Chỉ tơ rối ở trong cuống - Rối thì anh gỡ, em buồn chuyện chi? - Em buồn vì việc vãn vi - Bạc lộn với chỉ nên chẳng xứng đôi; Rối tơ, rối chỉ gỡ xong - Rối đầu có lược, rối lòng khó phân; Chỉ tơ rối rắm trong cuống - Rối thì gỡ rối, em buồn việc chi?; Ba xa kéo chỉ trên chòi - Xa kêu vơi vợi, anh đòi tiếng chi;... và đặc biệt mô típ “Ngồi buồn xe chỉ” xuất hiện rất nhiều lần như để nhấn mạnh vào tâm trạng buồn bã, rối bời của người con gái khi yêu: *Ngồi buồn xe chỉ uốn cần - Xe chưa dệt xong chỉ, cá lặn ra khơi; Ngồi buồn xe chỉ ngóng go - Đơm chim chim chạy, đơm cò cò bay; Ngồi buồn xe chỉ cột trâu - Xe xong sợi chỉ thì trâu đã già - Ngồi buồn trách mẹ, trách cha - Trách ông Nguyệt lão, trách bà xe dây; Ngồi buồn xe chỉ mong manh - Đố ai câu được cá hanh nguồn Truôi; Ngó ra ngoài biển mù mù - Ngồi buồn xe chỉ, chạm dù cánh dơi;...**

Ngoài những cấu trúc ẩn dụ ý niệm đã phân tích ở trên, ý niệm *sợi chỉ* còn được ánh xạ để tạo ra nhiều cấu trúc ẩn dụ khác như:

Tài năng/ phẩm chất là “sợi chỉ” thể hiện qua biểu thức *Đường kim mũi chỉ*. Việc khâu, vá không chỉ đơn thuần là một công việc thường ngày mà qua đó, qua mỗi *mũi chỉ* còn thể hiện sự cần cù, chịu khó, khéo léo của người con gái. Điều này giải thích tại sao ngày xưa khi chọn vợ, các chàng trai thường để ý đến đường kim mũi chỉ, đường khâu miếng vá của người con gái. Và người Việt cũng thường nói: *Khéo vá vai, tài vá nách; Áo rách khéo vá hơn lành vụng may; Khéo vá may, vụng chày cối;...* cho thấy một phần trong sự đánh giá tài năng, phẩm chất là cũng qua chuyện khâu, vá đời thường.

Và cũng với đặc tính nhỏ bé, mong manh, dễ đứt nên *sợi chỉ* còn được người Việt tri nhận

như hoàn cảnh, tình thế hiểm nguy, kiểu như **Ngàn cân treo sợi tóc** qua một vài biểu thức ẩn dụ như: **Chuông treo chỉ mảnh**; **Mỡ để miệng mèo, gương treo chỉ mảnh**;... đã góp phần hình thành nên cấu trúc ẩn dụ: Hoàn cảnh là “sợi chỉ”.

3. Kết luận

“Sợi chỉ” là một ý niệm nhỏ nhưng khá độc đáo trong bức tranh ngôn ngữ của cộng đồng dân tộc Việt. Qua việc xác lập và mô tả ý niệm sợi chỉ cũng như các cấu trúc ẩn dụ ý niệm sợi chỉ trong thành ngữ, ca dao tiếng Việt đã mang lại nhiều ý nghĩa: ý niệm “sợi chỉ” thực sự tồn tại sâu đậm trong tư duy, tâm thức của người Việt; các cấu trúc ẩn dụ ý niệm *Con người/bộ phận cơ thể con người* là “sợi chỉ”; *Vật trao duyên* là “sợi chỉ”; *Tình duyên/tình nghĩa* là “sợi chỉ”; *Hoạt động/nhận thức của con người* là *hoạt động* với “sợi chỉ”; *Tâm trạng con người* là *hoạt động của “sợi chỉ”*; *Tài năng/phẩm chất* là “sợi chỉ”; *Hoàn cảnh* là “sợi chỉ” góp phần minh họa thêm cho lý thuyết về ẩn dụ ý niệm của Ngôn ngữ học tri nhận; vận dụng lý thuyết Ngôn ngữ học tri nhận qua con đường ý niệm và ẩn dụ ý niệm để nghiên cứu tiếng Việt và văn hóa Việt là một hướng nghiên cứu hấp dẫn, thú vị và còn rất nhiều tiềm năng, hứa hẹn sẽ còn khai mở nhiều ý tưởng không chỉ trong nội bộ lĩnh vực Ngôn ngữ học mà còn liên quan đến các lĩnh vực khoa học khác như Văn hóa học, Tâm lý học, Dân tộc học,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lý Toàn Thắng, 2009. *Ngôn ngữ học tri nhận nhìn từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*. NXB Phương Đông.
- [2] Trần Văn Cơ, 2006. *Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ)*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Trần Văn Cơ, 2011. *Ngôn ngữ học tri nhận – Từ điển (tường giải và đối chiếu)*. Nxb Phương Đông.
- [4] Lakoff, J. & Johnson, M., 1980. *Metaphors we Live by*. Chicago: University of Chicago Press.
- [5] Hoàng Khê, 2016. *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
- [6] Đỗ Thị Kim Liên, 2015. *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam trong hành chức*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Lực và Lương Văn Đang, 1993. *Thành ngữ tiếng Việt*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [8] Vũ Ngọc Phan, 2004. *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Như Ý, 1995. *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Đỗ Phương Thảo, 2015. *Dạy học thành ngữ dân gian tiếng Việt cho người nước ngoài theo quan điểm của Ngôn ngữ học tri nhận*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Vol. 60, No. 8, pp. 155-162.

ABSTRACT

Conceptual metaphor of “thread” in Vietnamese idioms and folk songs

Nguyen Dinh Viet

Dong Du Middle & High School, Dak Lak

From the in-depth study of the concept of “thread” in Vietnamese idioms and folk songs, the article has established metaphorical structures of the concept of human/body part as “thread”; The predestined object is the “thread”; love/affection means “thread”; human activities/perceptions are activities with “threads”; human mood is considered as “thread”; talent/quality is a “thread”; The situation is the “thread” and thereby, this paper may contribute to further conceptual metaphor of cognitive linguistics illustration; and show a unique part of Vietnamese language - thinking - culture.

Keywords: Concept, thread, conceptual metaphor, cognitive linguistics.